

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST

Ngày 14-8-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp

nuôi con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Thái Văn Lộc.

Ông Hoàng Đình Ngân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Bùi Trương Thị Kim T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: tổ 12, ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn M, sinh năm 1991

Địa chỉ: tổ 12, ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tuấn M chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2015 tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay. Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh M thường xuyên cờ bạc, uống rượu từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống

chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 01 con là Nguyễn Minh L, sinh ngày 05/9/2015. Hiện cháu L sống chung với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có

Về án phí: Chị tự nguyện chịu tiền án phí HNGĐ-ST.

**\* Bị đơn anh Nguyễn Tuấn M trình bày trong hồ sơ vụ án:**

Anh thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay. Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh thường xuyên cờ bạc, uống rượu từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã. Nay chị T có đơn yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh cam kết sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ lại.

Về con chung: Có 01 con là Nguyễn Minh L, sinh ngày 05/9/2015. Hiện cháu L sống chung với chị T. Nếu tòa án xử cho ly hôn anh yêu cầu nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con của chị T, xử cho chị T và anh M được ly hôn. Về con chung: Chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu

cầu. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: không có. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 10/7/2019 nguyên đơn Chị Bùi Trương Thị Kim T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Tuấn M đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị T, anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2015 tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3]. Về mâu thuẫn của vợ chồng: Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh M nhận thấy khi còn chung sống anh chị thường xuyên mâu thuẫn. Chị T, anh M xác định vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2019 và ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay. Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh M thường xuyên cờ bạc, uống rượu từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã. Anh M không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn hôn nhân, không đến phiên tòa để giải quyết vụ án là không có thiện chí hàn gắn tình cảm.

[4]. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh M thì anh M đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn của chị T xử cho chị T và anh M được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh M chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh L, sinh ngày 05/9/2015. Anh M và chị T đều yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét về con chung thì thấy rằng từ ngày ly thân chị T trực tiếp nuôi cháu L, chị rất quan tâm đến việc ăn học, tâm sinh lý và đảm bảo tốt các điều kiện nuôi con về mọi mặt. Hơn nữa hiện nay cháu L còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng, gần gũi trực tiếp của

người mẹ, chị T có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo về kinh tế. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu L, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T; xử giao cháu L cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu là phù hợp với các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Chị T, anh M không yêu cầu giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị T, anh M khai không có.

[8] Về án phí: Do Chị Bùi Trương Thị Kim T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Anh Nguyễn Tuấn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Bùi Trương Thị Kim T, xử cho Chị Bùi Trương Thị Kim T và anh Nguyễn Tuấn M được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh L, sinh ngày 05/9/2015 cho Chị Bùi Trương Thị Kim T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Sau khi ly hôn anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T, anh M không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

4. Nợ chung: Chị T, anh M khai không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Trương Thị Kim T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0019612 ngày 22/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Tuấn M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phan Thị Hưởng**